TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 13/2019/QĐ-PT	*Lâm Đồng, ngày 17 tháng 7 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
GIẢI QUYẾT VIỆC KHÁNG CÁO ĐỐI VỚI QUYẾT ĐỊNH ĐÌNH CHỈ GIẢI QUYẾT VỤ ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

Với Hội đồng phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên họp: Ông Huỳnh Châu Thạch

Các Thẩm phán: Ông Trịnh Văn Hùng

Ông Huỳnh Văn Hiệp

- Thư ký phiên họp: Bà Trần Thị Tâm - Thư ký Tòa án, Toà án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên họp: Bà Võ Thị Kim Anh - Kiểm sát viên.

Tại Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 02/2019/QĐST - DS ngày 12/3/2019 Toà án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng đã căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và Khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết vụ án Dân sự về việc "Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu" giữa:

Nguyên đơn: Vợ chồng ông Hồ Tấn Th, sinh năm: 1968, bà Đoàn Thị Minh T, sinh năm: 1974; cư trú tại thôn S, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Phạm Nguyên Ph, sinh năm: 1976; cư trú tại số 391/19F, đường Huỳnh Tấn Ph, tổ 14, khu 2, phường Đ, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh, là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 7513, quyển số: 4 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng N chứng nhận ngày 22/10/2018).

Bị đơn:

1. Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Trụ sở: thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Quang K, là người đại diện theo pháp luật (Chi cục trưởng).

2. Công ty đấu giá hợp danh Đ. Trụ sở: số 591, quốc lộ 20, thị trấn L, huyện Đ, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Bà Phạm Thị Th, là người đại diện theo pháp luật (Giám đốc).

3. Văn phòng công chứng N. Địa chỉ: số 651, đường H, tổ dân phố Đ, thị trấn Đ, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Vợ chồng ông Hà Quang V, bà Đỗ Thị T; cư trú tại thôn P, xã Th, huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đào Tuấn L, sinh năm: 1962; cư trú tại thôn P, xã Th, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số 38, quyển số 02 TP/CC-SCC/HĐGD do Văn phòng công chứng N chứng thực ngày 23/10/2018).

Tại đơn kháng cáo ngày 21/3/2019 vợ chồng ông Hồ Tấn Th, bà Đoàn Thị Minh T đề nghị cấp phúc thẩm hủy Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án nói trên, chuyển hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Lâm Đồng giải quyết lại theo quy định.

Tại phiên họp,

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án, về nội dung: đề nghị không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn, giữ nguyên Quyết định sơ thẩm.

XÉT THẤY:

[1] Theo đơn khởi kiện của vợ chồng ông Hồ Tấn Th, bà Đoàn Thị Minh T và lời trình bày tại các bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là Ông Phạm Nguyên Ph thì nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cụ thể như sau:

1. Tuyên vô hiệu Hợp đồng 25/2017/HĐ-MBTS ký kết giữa Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ và ông Hồ Quang V, bà Đỗ Thị T ngày 09/11/2017.

2. Tuyên vô hiệu Văn bản công chứng bao gồm: (1) Hợp đồng 25/2017/HĐ-MBTS ký kết giữa Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ và ông Hồ Quang V, bà Đỗ Thị T ngày 09/11/2017; (2) Lời chứng của công chứng viên N số 3085, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/11/2017.

[2] Theo hồ sơ thể hiện thì thấy rằng tại Bản án số 131/2011/DS-PT ngày 28/10/2011 Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã buộc vợ chồng ông Hồ Tấn Th, bà Đoàn Thị Minh T phải trả cho vợ chồng ông Nguyễn Duy T, bà Nguyễn Thị B số tiền 220.000.000đ.

Căn cứ yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng ban hành Quyết định cưỡng chế kê biên, xử lý tài sản số 62/QĐ-CCTHA ngày 10/6/2014 đối với Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất thuộc các thửa 56, 57 và một phần thửa 58, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng; đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng mang tên vợ chồng ông Th, bà T. Ngày 11/7/2014 Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng cùng các phòng ban chuyên môn và chính quyền địa phương xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng kê biên lô đất có diện tích 1.287m^2 (chưa trừ lộ giới) đất trồng cây lâu năm thuộc thửa 58 và một phần thửa 57, tờ bản đồ số 20, tọa lạc tại thôn 9 (T), xã P, huyện L, tỉnh Lâm Đồng và sau đó tiến hành thẩm định giá tài sản và bán đấu giá tài sản nói trên. Ngày 09/11/2017 tài sản được bán đấu giá thành công, người trúng đấu giá là vợ chồng ông Hà Quang V, bà Đỗ Thị T.

[3] Đối chiếu với các quy định của pháp luật và hồ sơ vụ án thể hiện thì tại thời điểm phát sinh việc giao kết hợp đồng và đấu giá tài sản thì vợ chồng ông Th, bà T không phải là chủ thể tham gia giao dịch, đấu giá tài sản, không phải là người có tài sản đấu giá để ký hợp đồng dịch vụ đấu giá với Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ do tài sản của vợ chồng ông Th, bà T đã bị kê biên thi hành án.

[4] Theo hướng dẫn tại Khoản 5 Mục II của Công văn số 64/TANDTC-PC ngày 03/4/2019 của Tòa án nhân dân tối cao "V/v: Thông báo kết quả giải đáp trực tuyến một số vướng mắc về hình sự, dân sự và tố tụng hành chính" thì:

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 102 của Luật Thi hành án dân sự thì chỉ có hai đối tượng, cụ thể là người mua được tài sản bán đấu giá và chấp hành viên, mới có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản, nếu có căn cứ chứng minh có vi phạm trong quá trình bán đấu giá.

Như vậy, Luật Thi hành án dân sự không quy định người phải thi hành có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản. Do vậy, người phải thi hành án nếu không đồng ý với kết quả bán đấu giá tài sản thì họ không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết loại tranh chấp này.

Theo quy định tại Khoản 2 Điều 5 của Luật Đấu giá tài sản thì đấu giá tài sản là hình thức bán tài sản có từ hai người trở lên tham gia đấu giá theo nguyên tắc, trình tự, thủ tục được quy định tại Luật này, trừ trường hợp quy định tại Điều 49 của Luật này. Theo quy định tại Khoản 5 Điều 5 của Luật Đấu giá tài sản thì người có tài sản đấu giá là cá nhân, tổ chức sở hữu tài sản, người được chủ sở hữu tài sản ủy quyền bán đấu giá tài sản hoặc người có quyền đưa tài sản ra đấu giá theo thỏa thuận hoặc theo quy định của pháp luật; theo quy định tại Khoản 6 Điều 5 Luật đấu giá tài sản thì người mua được tài sản đấu giá là người trúng đấu giá và ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc được cơ quan có

thẩm quyền phê duyệt kết quả đấu giá tài sản; theo quy định tại Khoản 8 Điều 5 Luật đấu giá tài sản thì người trúng đấu giá là người trả giá cao nhất so với giá khởi điểm hoặc bằng giá khởi điểm nếu không có người trả giá cao hơn theo phương thức trả giá lên; hoặc là người chấp nhận mức giá khởi điểm hoặc mức giá đã giảm trong trường hợp đấu giá theo phương thức đặt giá xuống. Do vậy, đây là một giao dịch dân sự mà chủ thể tham gia là người có tài sản hoặc có quyền đưa tài sản ra đấu giá và người tham gia đấu giá và người trúng đấu giá theo quy định của pháp luật, chỉ giữa những người này mới phát sinh quyền, nghĩa vụ có khả năng tranh chấp với nhau có liên quan đến kết quả đấu giá và chỉ người này mới có quyền khiếu nại hoặc khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy kết quả đấu giá nếu họ cho rằng có vi phạm pháp luật trong quá trình đấu giá làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích của họ. Vì vậy, chỉ có Chấp hành viên và người trúng đấu giá đã ký hợp đồng mua tài sản đấu giá mới có quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch bán đấu giá và có thể trở thành các bên tranh chấp với nhau về kết quả bán đấu giá tài sản.

Vợ chồng ông Th, bà T không phải là người đưa tài sản ra bán đấu giá, tức là không tham gia, không phải là một bên trong giao dịch này nên không có quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch và do đó không có quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về kết quả bán đấu giá tài sản.

[5] Mặc dù vợ chồng ông Th, bà T không yêu cầu hủy kết quả bán đấu giá tài sản, chỉ yêu cầu tuyên vô hiệu Văn bản công chứng bao gồm: (1) Hợp đồng 25/2017/HĐ-MBTS ký kết giữa Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ và ông Hồ Quang V, bà Đỗ Thị T ngày 09/11/2017; (2) Lời chứng của công chứng viên N số 3085, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/11/2017. Tuy nhiên theo quy định của Luật đấu giá tài sản thì Hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản, kết quả đấu giá tài sản, Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá có mối quan hệ chặt chẽ với nhau, trên cơ sở Hợp đồng dịch vụ bán đấu giá tài sản, tổ chức có chức năng đấu giá tài sản mới triển khai việc đấu giá tài sản, khi có kết quả đấu giá tài sản thì căn cứ vào kết quả này, người trúng đấu giá tài sản và người có tài sản đấu giá mới tiến hành giao kết Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá; cụ thể theo quy định tại Điều 46 Luật đấu giá tài sản thì "Kết quả đấu giá tài sản là căn cứ để các bên ký kết hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc cơ sở để cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được ký kết giữa người có tài sản đấu giá với người trúng đấu giá hoặc giữa người có tài sản đấu giá, người trúng đấu giá và tổ chức đấu giá tài sản nếu các bên có thỏa thuận, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác. Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá được thực hiện theo quy định của pháp luật về dân sự". Như vậy Hợp đồng mua bán tài sản đấu giá là hệ quả từ kết quả đấu giá tài sản. Theo quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 47 Luật đấu giá tài sản thì "Người có tài sản đấu giá có quyền đơn phương chấm dứt, hủy bỏ hợp đồng dịch vụ đấu giá tài

sản, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá hoặc đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản, hợp đồng mua bán tài sản đấu giá vô hiệu theo quy định của Luật này và quy định của pháp luật về dân sự".

Vợ chồng ông Th, bà T không phải là người có tài sản đấu giá, không tham gia, không phải là người mua được tài sản đấu giá nói trên nên không có quyền khởi kiện yêu cầu tuyên vô hiệu Văn bản công chứng bao gồm: (1) Hợp đồng 25/2017/HĐ-MBTS ký kết giữa Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ và ông Hồ Quang V, bà Đỗ Thị T ngày 09/11/2017; (2) Lời chứng của công chứng viên N số 3085, quyển số 01TP/CC-SCC/HĐGD ngày 09/11/2017.

[6] Cấp sơ thẩm căn cứ vào đã căn cứ vào các Điều 48, 217, 218, 219 và Khoản 2 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 đình chỉ giải quyết vụ án dân sự là có căn cứ. Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Th, bà T.

[7] Trong trường hợp nếu vợ chồng ông Th, bà T có căn cứ cho rằng cơ quan thi hành án có hành vi, quyết định kê biên, định giá và bán đấu giá đối với tài sản nói trên để thi hành án trái pháp luật thì có quyền khiếu nại theo quy định tại Khoản 1 Điều 140 của Luật Thi hành án dân sự.

[8] Theo hồ sơ thể hiện thì Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ đã chuyển thành Công ty đấu giá hợp danh Đ theo Giấy đăng ký hoạt động của Doanh nghiệp đấu giá tài sản số 04/TP-ĐKHĐ do Sở Tư pháp tỉnh Lâm Đồng cấp ngày 23/7/2018, kế thừa quyền và nghĩa vụ của Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ, cấp sơ thẩm xác định tên của bị đơn là Công ty trách nhiệm hữu hạn Đ là không chính xác, cần sửa lại phần này.

Theo biểu mẫu số 45-DS Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2017/NQ-HĐTP ngày 13 tháng 01 năm 2017 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì tuỳ vào từng trường hợp đình chỉ vụ án cụ thể mà ghi hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án quy định tại Điều 218 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 (kể cả về tiền tạm ứng án phí), tuy nhiên khi ra Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm chưa ghi đầy đủ hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án theo quy định tại điều luật vừa viện dẫn là có thiếu sót, cần bổ sung phần hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

- Căn cứ Khoản 1, Điểm b Khoản 5 Điều 314, Điểm g Khoản 1 Điều 217, Điểm a Khoản 1 Điều 192 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận kháng cáo của vợ chồng ông Hồ Tấn Th, bà Đoàn Thị Minh T, sửa Quyết định sơ thẩm.

1.1. Xác định tên của bị đơn tham gia tố tụng trong vụ án là Công ty đấu giá hợp danh Đ.

1.2. Đình chỉ giải quyết vụ án dân sự về việc "Yêu cầu tuyên bố văn bản công chứng vô hiệu" giữa nguyên đơn vợ chồng ông Hồ Tấn Th, bà Đoàn Thị Minh T, bị đơn Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng, Công ty đấu giá hợp danh Đ, Văn phòng công chứng N; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vợ chồng ông Hà Quang V, bà Đỗ Thị T.

1.3. Hậu quả của việc đình chỉ giải quyết vụ án:

Quyền khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết lại vụ án dân sự của đương sự được thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 218 Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

- Án phí sơ thẩm: Vợ chồng ông Hồ Tấn Th, bà Đoàn Thị Minh T được nhận lại số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự sơ thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0000754 ngày 21/9/2018 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng.

- Án phí phúc thẩm: Vợ chồng ông Hồ Tấn Th, bà Đoàn Thị Minh T phải chịu 300.000đ án phí Dân sự phúc thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí Dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0001228 ngày 31/5/2019 của Chi cục Thi hành án Dân sự huyện L, tỉnh Lâm Đồng. Vợ chồng ông Th, bà T đã nộp đủ án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ra quyết định./.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KT-NV TAND tỉnh Lâm Đồng;
- TAND huyện L, tỉnh Lâm Đồng;
- Chi cục THADS huyện L, tỉnh Lâm Đồng;
- Đương sự;
- Lưu: bộ phận lưu trữ, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP
(đã ký)

Huỳnh Châu Thạch